

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-9-2025.

V/v “*Ly hôn, nuôi con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Lê Thành Tam

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Diệu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 2 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Vĩnh Long : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2025; Về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991. Cư trú tại: Số N, Phường P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng N1, sinh năm 1993. Cư trú tại: ấp L, xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Hoàng N1 sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2020 tại UBND xã M (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long). Trong quá trình sống chung có 02 con chung Lê H, sinh ngày 18/6/2021; Lê Hoàng Tâm N2, sinh ngày 16/7/2023 hiện đang sống chung với chị T. Do mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và đời sống gia đình giữa chị T và anh N1 thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng mỗi người đi làm một nơi không ai quan tâm ai, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Quan hệ hôn nhân: Ly hôn với anh Lê Hoàng N1.

Con chung: Yêu cầu nuôi 02 con chung Lê H, sinh ngày 18/6/2021; Lê Hoàng Tâm N2, sinh ngày 16/7/2023 yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đồng/ 01 con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị T đã nộp cho Tòa án, không cung cấp gì thêm.

Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa anh Lê Hoàng N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị T hoặc có yêu cầu trong vụ án và tại phiên tòa anh N1 tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại Phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi 02 con chung Lê H, sinh ngày 18/6/2021; Lê Hoàng Tâm N2, sinh ngày 16/7/2023. Chị T thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, chị T và anh N1 tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long cũ nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2020 chị T, anh N1 tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị T trình bày do mâu thuẫn nên vợ, chồng đã ly thân, anh N1 không còn yêu thương chị T dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ, chồng hiện nay không còn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn mặc dù đã được Hòa giải đoàn tụ nhiều lần. Anh Lê Hoàng N1 được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia giải quyết vụ án, không có ý kiến phản bác, không yêu cầu gì trong vụ án này. Xét, mâu thuẫn là trầm trọng không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử cho ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: 02 con, cháu Lê Hoàng Tâm N2, sinh ngày 16/7/2023, cháu N2 hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ chị Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng, cháu Lê H, sinh ngày 18/6/2021 hiện nay sống chung, do chị T chăm sóc nuôi

dưỡng, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H, không làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến đời sống mọi mặt của cháu H nên tiếp tục giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét là phù hợp Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn với anh Lê Hoàng N1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê H, sinh ngày 18/6/2021; Lê Hoàng Tâm N2, sinh ngày 16/7/2023 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ tới lui, chăm nom, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T theo lai thu số N⁰0001062, ngày 15/5/2025 nên không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND KV2-VL 01b;
- PTHA DS 01b;
- TAT 01b;
- UBND xã M 1b;
- Các đương sự 02 bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Công Hảo

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phẩm Lê Thành Tam

Huỳnh Công Hảo